

Số: /UBND-GPMT TP. Kon Tum, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Chế biến Nông sản Sao Mai tại Văn bản số 15/CV-NSSM ngày 24 tháng 8 năm 2023; Văn bản số 17/CV-NSSM ngày 14 tháng 9 năm 2023 về việc chỉnh sửa các nội dung sau thẩm định cấp giấy phép môi trường dự án Nhà máy sơ chế và chế biến dược liệu và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 145/TTr-TNMT ngày 20 tháng 9 năm 2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường Dự án: Nhà máy Sơ chế và chế biến dược liệu của Công ty TNHH Chế biến Nông sản Sao Mai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Chế biến Nông sản Sao Mai (địa chỉ: Lô N-18 Khu công nghiệp Sao Mai, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy Sơ chế và chế biến dược liệu, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy Sơ chế và chế biến dược liệu.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô N-18, Khu công nghiệp Sao Mai, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

1.3. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án:

Quyết định chủ trương đầu tư số 107/QĐ-BQLKKT ngày 23 tháng 9 năm 2020; Điều chỉnh lần nhất tại Quyết định số 113/QĐ-BQLKKT ngày 06 tháng 10 năm 2020. Điều chỉnh lần thứ hai tại Quyết định điều chỉnh số 85/QĐ-

BQLKKT ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 6101276164, đăng ký lần đầu ngày 30/09/2020, thay đổi lần thứ nhất ngày 27/10/2022. Đăng ký thay đổi lần hai ngày 21 tháng 8 năm 2023.

1.5. Mã số thuế: 6101276164.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà máy sơ chế và chế biến dược liệu.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 31.033,3 m².

- Công suất thiết kế dự án:

+ Sản xuất thực phẩm chức năng: 350 triệu viên/ năm, tương đương 2.705 tấn thành phẩm.

+ Nấu cao dược liệu: 400 tấn/ năm, tương đương 400 tấn thành phẩm.

+ Đông trùng hạ thảo sấy thăng hoa: 25 tấn/ năm.

+ Sản xuất rượu gạo bán truyền thông, rượu đông trùng hạ thảo: 01 triệu lít/ năm.

+ Các sản phẩm khác: 400 tấn/ năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

(Có các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo)

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Chế biến Nông sản Sao Mai.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Chế biến Nông sản Sao Mai có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện

pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nêu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm tính từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT tỉnh Kon Tum;
- Công ty TNHH Chế biến Nông sản Sao Mai;
- Phòng TN&MT thành phố;
- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- UBND xã Hòa Bình;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Anh Hùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /UBND-GPMT ngày/...../2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nước thải sinh hoạt:

- **Nguồn phát sinh nước thải:** Phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của công nhân (*nấu ăn, tắm giặt, vệ sinh, ...*).

- **Lưu lượng xả nước thải tối đa:** 1,6 m³/ngày đêm.

- **Dòng nước thải:** Gồm 01 dòng nước thải sau khi xử lý qua hệ thống bể tự hoại 3 ngăn sau đó đầu nối hệ thống xử lý tập trung của KCN Sao Mai.

- **Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:** BOD₅, TSS, dầu mỡ động thực vật, tổng N, tổng coliform.

Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm áp dụng theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể:

TT	Thông số ô nhiễm	ĐVT	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
1	BOD ₅	mg/l	50
2	TSS	mg/l	100
3	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
4	NH ₄ ⁺ (Amoni)	mg/l	10
5	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

- **Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:**

+ Vị trí: Tọa độ vị trí xả thải: X= 1578186, Y= 552084 (*hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107^o30', múi chiếu 3^o*). Địa chỉ: Xã Hòa Bình, KCN Sao Mai, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum;

+ Phương thức xả thải: Tự chảy.

+ Chế độ xả nước thải: Liên tục (24/24 giờ).

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Đầu nối vào nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Sao Mai sau khi đã xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn.

2. Nước thải sản xuất:

- **Nguồn phát sinh nước thải:** Phát sinh từ hoạt động rửa nguyên liệu được liệu, nước vệ sinh thiết bị, nhà xưởng.

- **Lưu lượng xả nước thải tối đa:** 16 m³/ngày đêm.

* **Dòng nước thải:** 01 dòng.

Nước thải sau xử lý sơ bộ sẽ theo đường ống HDPE D300 đấu nối hệ thống xử lý tập trung của KCN Sao Mai để xử lý đạt quy chuẩn quy định.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: QCVN 40:2011/BTNMT cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Cụ thể theo bảng sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT cột B
1.	BOD ₅	mg/l	50
2.	Chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	100
3.	COD	mg/l	150
4.	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
5.	PO ₄ ³⁻	mg/l	6
6.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
7.	Coliform	MPN/100ml	5.000

(Nguồn QCVN 40:2011/BTNMT)

* **Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:**

- Vị trí: Tọa độ vị trí xả thải: X= 1578186, Y= 552084 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°30', múi chiếu 3°). Địa chỉ: Xã Hòa Bình, KCN Sao Mai, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục (24/24 giờ).

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Đấu nối vào nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Sao Mai sau khi đã xử lý qua hệ thống xử lý sơ bộ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà vệ sinh sẽ theo ống dẫn dưới lớp đệm sàn để dẫn ra bể tự hoại 3 ngăn để lắng và phân hủy cặn lắng. Sau đó sẽ được nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Sao Mai.

- Đối với nước thải sản xuất:

+ Dẫn qua hồ lắng bùn và đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải

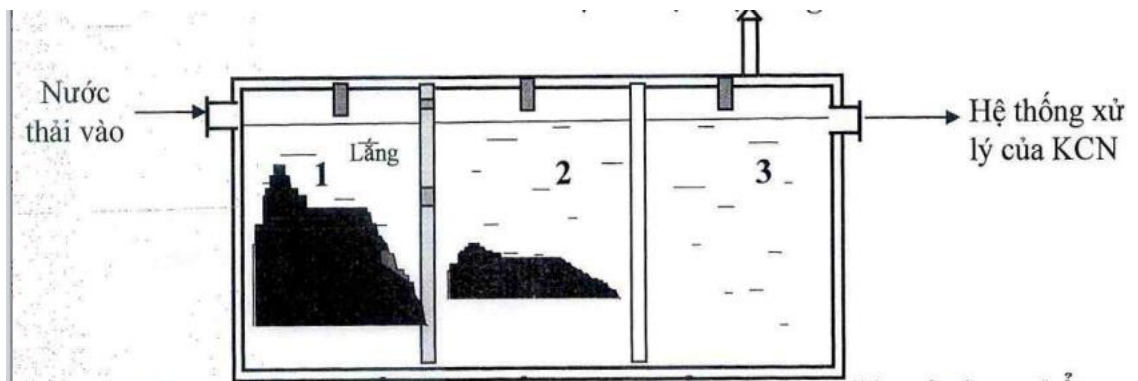
tập trung của KCN Sao Mai;

+ Nước thải sau xử lý sơ bộ sẽ theo đường ống HDPE D300 thoát vào hố ga đầu nối hệ thống xử lý tập trung của KCN Sao Mai để xử lý đạt quy chuẩn quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

- Cấu tạo bể tự hoại: Bể tự hoại có thể tích 04 m³. Bể tự hoại ở đây có dạng hình chữ nhật, xây dựng bằng bê tông cốt thép. Bể được chia thành 3 ngăn, do phần lớn cặn lắng tập trung trong ngăn thứ nhất nên dung tích ngăn này chiếm 50% dung tích toàn bể, ngăn thứ 2, 3 của bể có dung tích bằng 25 - 35% dung tích toàn bể. Để dẫn nước thải vào và ra khỏi bể, người ta nối ống Ø110 với một đầu ống đặt dưới lớp màng nổi, đầu khác được nhô lên phía trên để tiện kiểm tra, tẩy rửa và không cho lớp cặn nổi trong bể chảy ra đường ống. Cặn trong bể tự hoại được lấy ra theo định kỳ, mỗi lần lấy phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện cho quá trình phân huỷ cặn.



Ghi chú:

(1) Ngăn lắng và xử lý yếm khí. (2) Ngăn lắng ngang. (3) Ngăn xử lý hiếu khí.

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:

- Bể tự hoại là công trình xử lý nước thải bậc I đồng thời thực hiện hai chức năng: Lắng cặn và lọc trước khi qua công trình tiếp theo. Hiệu quả lắng cặn trong bể tự hoại có thể đạt được từ 40% đến 60% phụ thuộc vào nhiệt độ và chế độ quản lý, vận hành bể.

- Cặn rắn được giữ lại trong bể từ 3 đến 6 tháng, trong thời gian này, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Phần nước thải sẽ được dẫn qua bể lọc, còn lượng bùn dư sau thời gian lưu khoảng 2 đến 5 năm sẽ thuê xe hút chuyên dùng hút đi. Mỗi lần lấy cặn phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo

điều kiện cho quá trình phân huỷ cặn. Nước thải khi đến bể lọc, sẽ được tiến hành lọc qua lớp: than củi dày 0,2m, than xỉ dày 0,2m và gạch vỡ dày 0,2m. Sau đó sẽ tiếp tục được dẫn vào hệ thống thu hồi nước thải để đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Để dẫn nước thải vào và ra khỏi bể, người ta nối ống Ø140 với một đầu ống đặt dưới lớp màng nổi, đầu khác được nhô lên phía trên để tiện kiểm tra, tẩy rửa và không cho lớp cặn nổi trong bể chảy ra đường ống.

- Bể tự hoại đang được sử dụng với nhiều ưu điểm như: Hiệu suất xử lý ổn định kể cả khi dòng nước thải đầu vào có dao động lớn; chiếm ít diện tích, giá thành rẻ và việc xây dựng, quản lý đơn giản. Hiệu suất lắng của bể đối với các chất lơ lửng: BOD 65 -75%, SS 75 – 85% và COD của nước thải giảm từ 35 - 65% và các mầm bệnh có trong phân cũng được loại bỏ một phần.

- Ngoài ra, chủ dự án sẽ bổ sung thêm một số biện pháp sau:

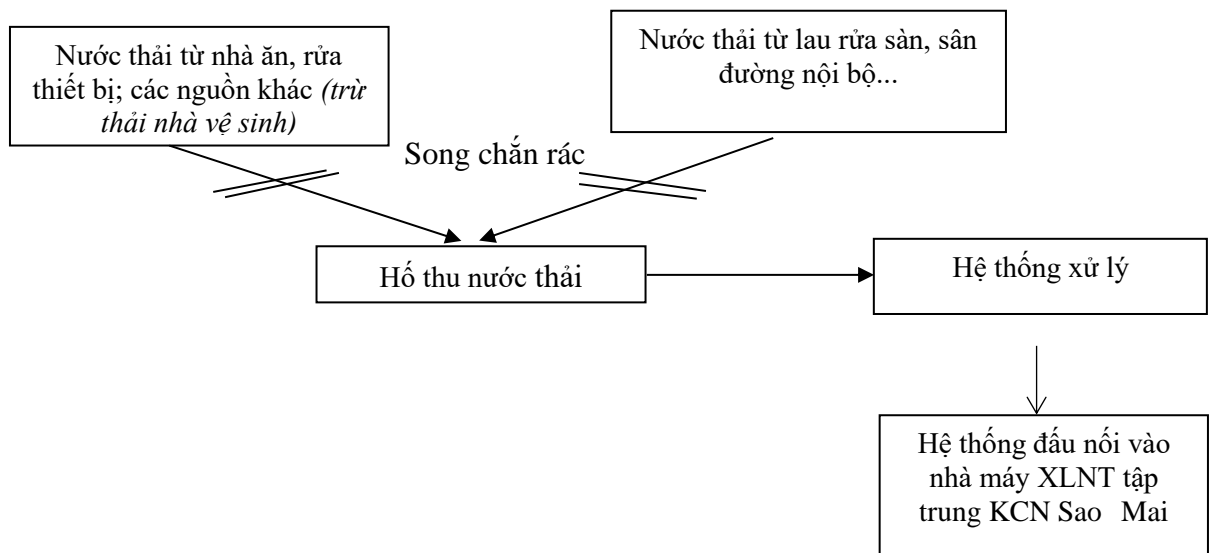
+ Định kỳ 06 tháng/lần bổ sung các chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình.

+ Định kỳ 02 năm hợp đồng với đơn vị có chức năng hút hầm cầu, hút bùn cặn từ các bể tự hoại để đưa đi xử lý.

+ Tránh không để rơi vãi dung môi hữu cơ, xăng dầu, xà phòng,... xuống bể tự hoại. Các chất này khi rơi vãi xuống sẽ làm thay đổi môi trường sống của các vi sinh vật, do đó sẽ làm giảm hiệu quả xử lý của bể tự hoại.

1.2.2. Nước thải sản xuất:

Sơ đồ thu gom xử lý nước thải cục bộ của nhà máy theo sơ đồ như sau:



* Thuyết minh hệ thống thu gom nước thải.

Nguồn nước thải:

- Nước thải từ quá trình lau rửa sàn, sân đường nội bộ, rửa thiết bị và từ sinh hoạt ăn uống tại nhà ăn được dẫn về hệ thống thu gom nước thải và dẫn về hố thu nước thải. Nước thải sản xuất được dẫn chung về hố thu nước thải và bơm lên hệ thống xử lý nước thải (hệ thống xử lý và lắng, lọc nước).

- Nước thải từ nhà vệ sinh: Được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn để thu gom xử lý kỵ khí.

Song chắn rác:

Nước thải từ sinh hoạt và sản xuất có chứa nhiều thành phần cặn, đặc biệt là các thành phần cặn kích thước lớn. Các cặn nước thải nếu được dẫn thẳng không qua chắn rác thì sẽ phân hủy làm tăng COD và BOD trong nước thải chính vì vậy cần được tách bằng song chắn rác tinh trước khi xử lý.

Hố thu nước thải: Được xây bằng xi măng và được gia cố đáy hố bằng chống thấm khỏi ảnh hưởng đến môi trường đất.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Sao Mai.

- Nước thải sau xử lý phải đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hoặc yêu cầu về bảo vệ môi trường theo từng loại nước thải trước khi xả ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/UBND-GPMT ngày/...../2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải.

Phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải.

2.1. Vị trí xả khí thải.

- Vị trí nơi xả khí thải: Tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng của dự án, (thuộc địa giới hành chính của xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum).

- Toạ độ vị trí xả khí thải (hệ toạ độ VN - 2000, kinh tuyến trực 107030', múi chiếu 30): X = 1.564.516; Y = 553.122.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 5.544 m³/ngày đêm \approx 231 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn (Khi sử dụng máy phát điện dự phòng).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Khí thải phát sinh từ máy phát điện đạt QCVN 19:2009/BTNMT,
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột B, $K_p = 1$, $K_v = 0,8$).

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	SO ₂	mg/Nm ³	400	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục.
2	CO	mg/Nm ³	800	
3	NO _x	mg/Nm ³	680	
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Xả ra môi trường qua ống thải của máy phát điện dự phòng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Khí thải đi qua bộ lọc khí đi kèm với máy trước khi thoát ra ngoài môi

trường xung quanh.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Không có.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm do không có công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thường xuyên kiểm tra định kỳ máy phát điện dự phòng để sửa chữa và thay mới các chi tiết bị hư hỏng.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/UBND-GPMT ngày/...../2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy: Đây là nguồn không liên tục, thông thường thời điểm phát sinh tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm tại nhà máy.

- Tiếng ồn từ các máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất. Các nguồn này thường mang tính cục bộ, ảnh hưởng đến lao động vận hành trực tiếp và phát sinh ra ngoài rất hạn chế.

2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

Theo QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Cụ thể theo bảng sau:

STT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Lắp đặt, vận hành máy móc đúng quy trình quy phạm, thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng máy móc thiết bị theo định kỳ để tránh hỏng hóc gây ra tiếng ồn bất thường nhằm giảm độ ồn.

- Trồng cây xung quan nhà máy để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng ra khu vực xung quanh nhà máy và cải thiện được điều kiện khí hậu trong khu vực.

- Không hoạt động quá công suất thiết kế, lắp đặt máy móc thiết bị theo đúng thiết kế, kỹ thuật.

- Không hoạt động từ 22 giờ đêm đến 6 giờ sáng ngày hôm sau. Có kế hoạch làm việc cụ thể, bố trí các xe, thiết bị hoạt động luân phiên để tránh hiện tượng cộng hưởng tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/UBND-GPMT ngày/...../2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

- Khối lượng: 0,6 kg/tháng.
- Chủng loại theo Bảng sau:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại
1	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt	18 02 01	Rắn
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn
3	Dầu nhớt thải	17 02 04	Lỏng
4	Mực in văn phòng, hộp mực in	08 02 04	Rắn

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng: 70 kg/ngày.
- Chủng loại: Vỏ dược liệu thải bỏ, xác dược liệu còn lại sau khi nấu cao dược liệu, bùn thải, thùng giấy vụn, hộp đựng bị hư hỏng...

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: 20 kg/ngày.
- Chủng loại: Bao bì, nylon, vỏ chai, đồ hộp...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng phi nhựa, có nắp đậy.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích kho chứa: 12 m².
- Thiết kế, cấu tạo kho chứa chất thải nguy hại: Kiểu kho kín, có mái che, nền bê tông cao và đặt tại nơi có cao trình đảm bảo để tránh bị ảnh hưởng bởi mưa lũ và đảm bảo an toàn cho cán bộ công nhân viên. Lượng chất thải nguy hại được thu gom bỏ vào thùng nhựa, có nắp đậy kín.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đựng trong các thùng nhựa 120 lít, có nắp đậy, đặt tại khu tập kết chất thải rắn thông thường.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Thu gom định kỳ 1 tháng 1 lần, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Thùng giấy vụn, hộp đựng bị hư hỏng sẽ được thu gom và bán cho phế liệu tần suất 20 ngày/lần.

2.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Trang bị 04 thùng chứa rác có nắp đậy có dung tích 25 lít đặt tại các vị trí cuối hướng gió của khu vực sản xuất và khu vực văn phòng để thu gom rác hàng ngày.

- Đối với rác phế thải có thể tái sử dụng như: Giấy, bao bì nhựa, ... được tổ chức thu gom, để riêng và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

- Đối với rác là các chất hữu cơ dễ phân hủy như: Thức ăn thừa, rau củ quả bị hư, được tập trung thu gom trong các thùng chứa rác có nắp đậy và ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Kon Tum thu gom theo quy định với tần suất 04 lần/tuần.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy.

- Thực hiện các biện pháp an toàn về điện.

- Thực hiện các biện pháp về an toàn lao động.